

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Lâm Đồng
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 90/NQ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1727/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng tại Tờ trình số 9384/TTr-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2024 và Tờ trình số 11515/TTr-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2024 về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Điều 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của các bộ, cơ quan liên quan và về tính chính xác của số liệu, thông tin nêu trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư trong Phụ lục kèm theo.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTgCP, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, QHĐP (3b).

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trần Hồng Hà

KẾ HOẠCH

Thực hiện Quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

*(Kèm theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 14 tháng 01 năm 2025
của Thủ tướng Chính phủ)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1727/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Xây dựng lộ trình, tổ chức thực hiện, phân kỳ đầu tư các dự án ưu tiên đầu tư gắn với nguồn lực đầu tư và đánh giá kết quả thực hiện, điều chỉnh (nếu cần) trong kỳ quy hoạch nhằm thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đề ra và phù hợp với tình hình thực tế.

- Phân công trách nhiệm chủ trì và trách nhiệm phối hợp giữa các Bộ, ngành và tỉnh Lâm Đồng cũng như đối với từng cơ quan, đơn vị tại địa phương trong quá trình triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh.

- Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, hệ thống giữa quy hoạch tỉnh với các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành phục vụ phát triển kinh tế- xã hội, quốc phòng và an ninh của tỉnh.

- Xác định nội dung trọng tâm, tiến độ và nguồn lực thực hiện các chương trình, dự án để xây dựng các chính sách, giải pháp nhằm thu hút các nguồn lực trong việc thực hiện Quy hoạch tỉnh.

2. Yêu cầu

- Bám sát mục tiêu, định hướng của Quy hoạch tỉnh, cụ thể hóa các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 1727/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ. Đảm bảo tính tuân thủ, tính kế thừa các chương trình hành động, kế hoạch thực hiện quy hoạch cấp quốc gia, cấp vùng, kế hoạch đầu tư công đã được phê duyệt; đảm bảo tính liên kết, thống nhất giữa các nhiệm vụ, chương trình, dự án của các ngành, các địa phương.

- Đảm bảo tính khả thi, linh hoạt, phù hợp với định hướng phát triển chung của đất nước theo thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bối cảnh hội nhập quốc tế và thực tiễn tại địa phương.

- Huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực theo phương châm nội lực là căn bản, ngoại lực là quan trọng, kết hợp chặt chẽ nội lực với ngoại lực tạo ra nguồn lực tổng hợp tối ưu, “*lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư*” để tạo đột phá thu hút vốn đầu tư trong phát triển và hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, nhất là hạ tầng các vùng động lực.

- Phân bổ nguồn lực đầu tư tập trung có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với khả năng huy động nguồn vốn; sớm đưa dự án vào sử dụng, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Việc chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư và triển khai các dự án trên địa bàn phải phù hợp với Quy hoạch tỉnh và các quy hoạch có liên quan, bảo đảm thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

- Đề cao tính chủ động, sáng tạo, linh hoạt của địa phương trong triển khai thực hiện; đẩy mạnh phân cấp trong quản lý đầu tư, tạo quyền chủ động cho các cấp, các ngành, các địa phương trong việc triển khai thực hiện kế hoạch. Nâng cao hiệu quả đầu tư và kiên quyết xóa bỏ cơ chế “*xin - cho*”, chống tiêu cực, tham nhũng, lợi ích nhóm.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH

1. Hoàn thiện đồng bộ hệ thống các quy hoạch

- Rà soát, lập, điều chỉnh các quy hoạch đô thị, nông thôn, các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng theo quy định của pháp luật chuyên ngành, đảm bảo thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt.

- Tiếp tục rà soát, bãi bỏ các quy hoạch về đầu tư phát triển hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm cụ thể, ấn định khối lượng, số lượng hàng hoá, dịch vụ, sản phẩm được sản xuất, tiêu thụ trên địa bàn tỉnh; thông báo công khai danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch tỉnh hết hiệu lực theo quy định Điều 59 Luật Quy hoạch.

2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển và đẩy mạnh liên kết vùng

- Thực hiện hiệu quả các nội dung liên kết với các vùng trên cả nước theo quy hoạch Vùng Tây Nguyên được phê duyệt và theo quy chế hoạt động của Hội đồng điều phối vùng; thực hiện liên kết, hợp tác với các tỉnh trong vùng theo nguyên tắc cùng có lợi, khai thác hiệu quả kết cấu hạ tầng kết nối liên vùng và nội vùng và phát huy tối đa tiềm năng, thế mạnh về các ngành, lĩnh vực tạo bước đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội.

- Đầu tư phát triển mạng lưới giao thông kết nối đồng bộ, hiện đại, trong đó tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công và đưa vào khai thác, sử dụng các dự án giao thông quan trọng đang triển khai; tạo điều kiện để Lâm Đồng huy động các nguồn lực, phát huy vai trò là trung tâm tiểu vùng Nam Tây Nguyên.

- Chủ động phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương, các địa phương trong vùng Tây Nguyên xây dựng, hoàn thiện thể chế của Vùng, xác định những đề án trọng tâm, trọng điểm có ý nghĩa tạo đột phá cho phát triển Vùng, phát triển ngành (cả nước).

3. Các chương trình, dự án để triển khai thực hiện quy hoạch

a) Nguyên tắc xác định các dự án đầu tư công

- Tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản của cấp có thẩm quyền liên quan về đầu tư công.

- Thực hiện phân bổ kế hoạch vốn đầu tư bám sát mục tiêu, nội dung trong Quy hoạch tỉnh. Việc quản lý, phân bổ vốn đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải.

- Đầu tư phát triển mạnh kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, ưu tiên đầu tư, nâng cấp và mở rộng các tuyến giao thông liên tỉnh, liên huyện để kết nối giữa các địa bàn trong tỉnh; các tỉnh lộ huyết mạch; các dự án phục vụ kết nối vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm. Tập trung bố trí vốn để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm có ý nghĩa lớn có tính kết nối và lan tỏa đối với phát triển kinh tế - xã hội của Lâm Đồng như: Tuyến cao tốc Dầu Giây - Liên Khương (CT.27), cao tốc Nha Trang - Liên Khương (CT.25), Cao tốc Liên Khương - Buôn Ma Thuật (CT.26); QL.28, QL.28B, QL.27, QL.27C, QL.55, QL.55B, QL.20; tuyến đường kết nối cảng hàng không Liên Khương với tuyến cao tốc Bảo Lộc - Liên Khương; tuyến đường kết nối cảng cạn Đức Trọng; các tuyến đường tỉnh; tuyến vành đai đô thị Đà Lạt, Đức Trọng; tuyến kết nối Liên Nghĩa – Thanh Mỹ;...

- Ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu để phát triển hạ tầng nông thôn, bảo đảm tất cả các xã có đường giao thông kiên cố đi lại, nâng cấp, cải tạo, đầu tư mới các cơ sở y tế, giáo dục công lập, nâng cấp cơ sở vật chất hiện đại, đồng bộ cho các tổ chức nghiên cứu khoa học công nghệ để thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ,.....

- Đầu tư các dự án cấp điện phục vụ sản xuất, trọng tâm là các đô thị, khu, cụm công nghiệp, khu, điểm du lịch, đáp ứng tốt hơn nhu cầu sản xuất, sinh hoạt của nhân dân. Đầu tư phát triển mạnh hệ thống thủy lợi, tưới tiêu, cấp thoát nước, phát huy hiệu quả các công trình thủy lợi lớn đã được đầu tư, các mô hình thủy lợi nhỏ, phân bổ theo mạng phân tán, phù hợp với địa hình đồi núi, chia cắt ở Lâm Đồng. Ưu tiên đầu tư trùng tu, tôn tạo, phát huy giá trị các di tích đặc biệt của quốc gia trên địa bàn và các di tích của tỉnh; các thiết chế văn hóa mang đậm bản sắc vùng Tây Nguyên, các công trình thể thao trọng điểm;

- Ưu tiên các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cho các huyện vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn, vùng chịu nhiều ảnh hưởng thiên tai, bão lũ.

- Ưu tiên bố trí, sử dụng vốn ngân sách nhà nước như là vốn môi để khai thác tối đa các nguồn vốn của các thành phần kinh tế khác.

b) Dự án đầu tư sử dụng các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công

- Các ngành, lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư gồm: hệ thống giao thông, hạ tầng logistics; cảng cạn; hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; chế biến, chế tạo ứng dụng công nghệ cao; các dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; phát triển nguồn điện; cấp nước sạch; cơ sở hạ tầng giáo dục, y tế, văn hóa, thể

thao, môi trường; du lịch, thương mại, dịch vụ chất lượng cao, thông tin và truyền thông, chuyển đổi số.

- Ưu tiên thực hiện các dự án xây dựng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội lớn, quan trọng, thiết yếu; phát triển nông nghiệp và nông thôn; phát triển nguồn nhân lực, nhất là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lâm Đồng theo hướng tăng trưởng xanh, gắn với ứng dụng khoa học và công nghệ tiên tiến, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; bảo vệ môi trường và các nguồn tài nguyên thiên nhiên; hỗ trợ thúc đẩy đầu tư thương mại và một số lĩnh vực sản xuất, kinh doanh.

- Khuyến khích, thu hút các đối tác có thương hiệu toàn cầu, có năng lực tài chính mạnh, có khả năng đầu tư ổn định, lâu dài, có tính liên kết và thu hút đầu tư sản xuất các sản phẩm phụ trợ. Không thu hút các dự án FDI hiệu quả thấp, thâm dụng lao động quá lớn, công nghệ lạc hậu.

- Khuyến khích, tạo cơ chế chính sách đột phá thu hút nguồn vốn khu vực tư nhân trong và ngoài nước theo hình thức PPP để tập trung đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng, đặc biệt đối với các dự án trọng điểm, có sức lan tỏa rộng, tác động lớn tới phát triển kinh tế và các dự án hạ tầng xã hội phục vụ cộng đồng dân sinh thuộc ngành y tế, giáo dục...

- Đẩy mạnh thực hiện chủ trương xã hội hóa đối với các dịch vụ công, đặc biệt trong các lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân, giáo dục đào tạo, văn hóa, thể thao, các công trình dự án cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và sinh hoạt của người dân ở khu vực nông thôn của tỉnh Lâm Đồng.

c) Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư đến năm 2030

- Định hướng danh mục các dự án ưu tiên đầu tư, phân kỳ đầu tư và nguồn lực thực hiện đến năm 2030 theo phương án phát triển các ngành, lĩnh vực. (*Chi tiết danh mục dự án tại Phụ lục kèm theo*).

- Quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư, nguồn vốn thực hiện và các thông tin chi tiết của các công trình, dự án đầu tư công và ngoài ngân sách sẽ được tính toán, xác định cụ thể trong từng giai đoạn cụ thể trong quá trình triển khai theo các quy định của pháp luật liên quan.

4. Kế hoạch sử dụng đất

Căn cứ Quy hoạch sử dụng đất quốc gia, các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng Tây Nguyên, Quy hoạch tỉnh Lâm Đồng, Quy hoạch sử dụng đất an ninh, Quy hoạch sử dụng đất quốc phòng và chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025 được giao tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 và Quyết định số 227/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng xây dựng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021-2025 và Kế hoạch

sử dụng đất tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2026-2030 đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Nguồn lực thực hiện quy hoạch

Để thực hiện mục tiêu tăng trưởng GRDP bình quân hàng năm là 8,5-9% trong thời kỳ quy hoạch 2021-2030, dự kiến nhu cầu vốn đầu tư trong cả thời kỳ 2021-2030 cho tỉnh Lâm Đồng khoảng 757.548 tỷ đồng; trong đó giai đoạn 2021-2025 nhu cầu vốn đầu tư là 269.082 tỷ đồng, giai đoạn 2026-2030 nhu cầu vốn đầu tư là 488.466 tỷ đồng.

Nguồn vốn	Cơ cấu trong tổng vốn giai đoạn 2021 - 2030			
	Giai đoạn 2021 - 2025	Tỷ lệ	Giai đoạn 2026 - 2030	Tỷ lệ
Tổng cộng	269.082 tỷ đồng	100%	488.466 tỷ đồng	100%
Nguồn vốn đầu tư công	65.258 tỷ đồng	24,25%	102.577 tỷ đồng	21%
Nguồn vốn ngoài vốn đầu tư công	203.824 tỷ đồng	75,75%	385.889 tỷ đồng	79%

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng trong quá trình thực hiện Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; trường hợp cần thiết, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng nghiên cứu, xây dựng hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp nhằm huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thực hiện thành công các mục tiêu trong Quy hoạch tỉnh.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Chịu trách nhiệm về: (i) tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu trong hồ sơ trình phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (ii) nội dung tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của các bộ, cơ quan liên quan trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Lâm Đồng; (iii) thực hiện nghiêm túc các cam kết nêu tại Tờ trình số 9384/TTr-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2024 và Tờ trình số 11515/TTr-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2024; (iv) tuyệt đối không hợp thức hóa các sai phạm trước đây liên quan đến các chương trình, dự án tại Phụ lục kèm theo; (v) đối với các dự án đang xử lý theo kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, thi hành bản án thuộc danh mục các dự án quan trọng dự kiến đầu tư (nếu có) chỉ được triển khai sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo các kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, bản án và được cấp có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm phù hợp với các quy định hiện hành.

b) Việc chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư và triển khai các chương trình, dự án, đề án trên địa bàn (bao gồm cả các dự án chưa được xác định trong các phương án phát triển ngành, lĩnh vực, phương án phát triển các khu chức năng, kết cấu hạ tầng kỹ thuật, xã hội và danh mục dự án dự kiến ưu tiên thực hiện trong Quy hoạch tỉnh) phải phù hợp với định hướng phát triển của Quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt và phù hợp với các quy hoạch, kế hoạch thực hiện quy hoạch khác có liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Quyết định số 1727/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ.

Về địa điểm, quy mô, nguồn vốn đầu tư, diện tích và phạm vi ranh giới sẽ được xác định cụ thể trong quá trình lập quy hoạch chi tiết hoặc lập dự án đầu tư theo danh mục đầu tư tại các Phụ lục kèm theo Quyết định số 1727/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Tổ chức công bố, tuyên truyền, phổ biến thông tin rộng rãi tới Nhân dân, các cơ quan, tổ chức liên quan, nhà đầu tư trong nước và nước ngoài và chỉ đạo tổ chức thực hiện Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Lâm Đồng, tạo đồng thuận và điều kiện thuận lợi để triển khai các dự án phát triển đã được xác định trong Quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

d) Nghiên cứu, xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, giải pháp để triển khai thực hiện các nhiệm vụ đã được xác định trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh.

đ) Báo cáo đánh giá thực hiện Quy hoạch tỉnh Lâm Đồng định kỳ theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ; báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại khoản 3 Điều 49 Luật Quy hoạch. Chủ động rà soát, kịp thời trình Thủ tướng Chính phủ xem xét việc điều chỉnh Quy hoạch tỉnh phù hợp với tình hình thực tiễn và điều kiện thực tế tại địa phương theo quy định hiện hành.

e) Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng chủ động đề xuất, báo cáo cấp có thẩm quyền và đồng gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định./.

Phụ lục
DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ
VÀ PHÂN KỲ THỰC HIỆN TRONG QUY HOẠCH TỈNH
(Kèm theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 14 tháng 01 năm 2025
của Thủ tướng Chính phủ)

Phần 1: Danh mục các dự án dự kiến ưu tiên đầu tư và phân kỳ thực hiện Quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

STT	Tên dự án	Địa điểm	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	Ghi chú
			2021-2025	2026-2030		
I	Giao thông vận tải					
1	Đầu tư tuyến đường kết nối Cảng hàng không Liên Khương với đoạn cao tốc Bảo Lộc - Liên Khương	Huyện Đức Trọng		x	NSNN	
2	Cảng cạn huyện Đức Trọng	Huyện Đức Trọng		x	NSNN, XHH	
3	Đầu tư tuyến đường kết nối Cảng cạn Đức Trọng và tuyến đường cao tốc Bảo Lộc- Liên Khương	Huyện Đức Trọng		x	NSNN	
4	Bãi đậu xe đầu đèo Prenn, phường 3, thành phố Đà Lạt và xã Hiệp An, huyện Đức Trọng	Thành phố Đà Lạt, huyện Đức Trọng		x	XHH	
5	Bãi đậu xe khu vực ngã ba Đarahoa, huyện Lạc Dương	Huyện Lạc Dương		x	XHH	
6	Đầu tư xây dựng đoạn tuyến mới ĐT.721 (QL55B) qua huyện Đa Tễh, huyện Cát Tiên	Huyện Cát Tiên huyện Đa Tễh	x	x	NSNN	
7	Đầu tư xây dựng tuyến ĐT.729 đoạn Pro' - Tà Năng	Huyện Đơn Dương, huyện Đức Trọng		x	NSNN	
8	Đầu tư tuyến đường kết nối Liên Nghĩa - Thạnh Mỹ	Huyện Đơn Dương, huyện Đức Trọng	x	x	NSNN	

STT	Tên dự án	Địa điểm	Phân kì đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	Ghi chú
			2021-2025	2026-2030		
9	Đầu tư xây dựng tuyến ĐT.723	Huyện Đức Trọng, huyện Lâm Hà		x	NSNN	
10	Đầu tư xây dựng tuyến ĐT.725 đoạn Thác Voi - thị trấn Đình Văn	Huyện Lâm Hà		x	NSNN	
11	Đầu tư xây dựng mới tuyến ĐT.726 đoạn nối quốc lộ 27 với quốc lộ 28	Huyện Lâm Hà, huyện Di Linh		x	NSNN	
12	Đầu tư xây dựng tuyến ĐT.722C kết nối tỉnh Đắk Nông	Huyện Đam Rông	x	x	NSNN	
13	Đầu tư xây dựng tuyến ĐT.728 đoạn nối quốc lộ 20 với ĐT.729	Huyện Đức Trọng		x	NSNN	
14	Đầu tư xây dựng tuyến tránh đô thị Liên Nghĩa	Huyện Đức Trọng		x	NSNN	
15	Đầu tư xây dựng tuyến ĐT.728B kết nối tỉnh Bình Thuận	Huyện Đức Trọng		x	NSNN	
16	Đầu tư xây dựng tuyến ĐT.727	Thành phố Bảo Lộc huyện Di Linh		x	NSNN	
17	Đầu tư tuyến đường vành đai thành phố Đà Lạt đoạn nối xã Đa Sar và khu du lịch quốc gia Đankia Suối Vàng huyện Lạc Dương	Thành phố Đà Lạt huyện Lạc Dương		x	NSNN	
18	Nâng cấp nhà ga Đà Lạt thành trung tâm TOD	Thành phố Đà Lạt		x	NSNN, XHH	
19	Phát triển vận tải hành khách công cộng	Các huyện, thành phố		x	XHH	
20	Đầu tư tuyến ĐT.725C đoạn tránh Tà Nung	Thành phố Đà Lạt		x	NSNN	

STT	Tên dự án	Địa điểm	Phân kì đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	Ghi chú
			2021-2025	2026-2030		
21	Đầu tư tuyến ĐT.725D kết nối ĐT.725 và ĐT.726	Huyện Lâm Hà		x	NSNN	
22	Đầu tư tuyến ĐT.724B kết nối ĐT.725 và ĐT.724	Huyện Lâm Hà		x	NSNN	
23	Đầu tư 06 tuyến xe điện mặt đất (tramway)/xe điện một ray (monorail)	Thành phố Đà Lạt huyện Đức Trọng huyện Lạc Dương huyện Đơn Dương		x	NSNN, XHH	
II	Công nghiệp					
1	Khu công nghiệp Đa Tềh (*)	Huyện Đa Tềh		x	XHH	
2	Khu công nghiệp Tân Rai - Bảo Lâm (*)	Huyện Bảo Lâm		x	XHH	
3	Khu công nghiệp Lộc Châu - Đại Lào (*)	Thành phố Bảo Lộc		x	XHH	
4	Khu công nghiệp Phú Bình	Huyện Đức Trọng	x	x	XHH	
5	Cụm công nghiệp Đình Văn 2	Huyện Lâm Hà	x	x	NSNN, XHH	
6	Cụm công nghiệp Liên Đàm – Tân Châu	Huyện Di Linh	x	x	NSNN, XHH	
7	Cụm công nghiệp Hòa Ninh	Huyện Di Linh	x	x	NSNN, XHH	
8	Cụm công nghiệp Lộc Ngãi	Huyện Bảo Lâm	x	x	NSNN, XHH	
9	Cụm công nghiệp Liêng Srônh	Huyện Đam Rông	x	x	NSNN, XHH	
10	Cụm công nghiệp Cát Tiên	Huyện Cát Tiên	x	x	NSNN, XHH	
11	Cụm công nghiệp An Nhơn	Huyện Đa Tềh	x	x	NSNN, XHH	
III	Văn hóa, thể thao và du lịch					
1	Khu du lịch Hồ Prenn	Thành phố Đà Lạt		x	XHH	
2	Các dự án theo Quy hoạch chung Khu du lịch Quốc gia hồ Tuyền Lâm	Thành phố Đà Lạt	x	x	XHH	

STT	Tên dự án	Địa điểm	Phân kì đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	Ghi chú
			2021-2025	2026-2030		
3	Sân golf và nghỉ dưỡng Xuân Thọ, thành phố Đà Lạt	Thành phố Đà Lạt	x	x	XHH	
4	Mở rộng Khu du lịch Quốc gia Hồ Tuyền Lâm, thành phố Đà Lạt	Thành phố Đà Lạt	x	x	XHH	
5	Khu đô thị kết hợp du lịch nghỉ dưỡng cao cấp, du lịch sinh thái dã ngoại (Khu vực I, II, III)	Thành phố Đà Lạt	x	x	XHH	
6	Khu tổ hợp dịch vụ - du lịch sinh thái - Sân golf - cáp treo núi Sapung	Thành phố Bảo Lộc	x	x	XHH	
7	Khu đô thị, du lịch và dịch vụ nghỉ dưỡng phường Lộc Phát	Thành phố Bảo Lộc	x	x	XHH	
8	Khu đô thị sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, dịch vụ giải trí ven Hồ Nam Phương 1	Thành phố Bảo Lộc	x	x	XHH	
9	Khu đô thị du lịch Phường B'lao thành phố Bảo Lộc	Thành phố Bảo Lộc	x	x	XHH	
10	Khu du lịch núi Sa Pung	Thành phố Bảo Lộc	x	x	XHH	
11	Khu du lịch kết hợp phát triển dược liệu	Huyện Bảo Lâm	x	x	XHH	
12	Tổ hợp sân golf và nghỉ dưỡng cao cấp tại xã Đạ Sar	Huyện Lạc Dương	x	x	XHH	
13	Khu đô thị sinh thái nghỉ dưỡng kết hợp quần thể vui chơi giải trí tại khu vực hồ Đa Nhim Thượng (Khu vực I, II)	Huyện Lạc Dương	x	x	XHH	
14	Khu du lịch Quốc gia Đan Kia - Suối Vàng	Thành phố Đà Lạt huyện Lạc Dương	x	x	XHH	

STT	Tên dự án	Địa điểm	Phân kì đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	Ghi chú
			2021-2025	2026-2030		
15	Khu đô thị sinh thái nghỉ dưỡng kết hợp quần thể vui chơi giải trí tại huyện Đức Trọng (Khu vực I, II, III)	Huyện Đức Trọng	x	x	XHH	
16	Khu du lịch hồ Đại Ninh	Huyện Đức Trọng	x	x	XHH	
17	Du lịch sinh thái, canh nông đồi Ka Đơn	Huyện Đơn Dương	x	x	XHH	
18	Khu du lịch sinh thái Hồ Đông Thanh, xã Đông Thanh	Huyện Lâm Hà	x	x	XHH	
19	Khu du lịch sinh thái Thác Liêng Chi Nha	Huyện Lâm Hà	x	x	XHH	
20	Khu đô thị sinh thái nghỉ dưỡng kết hợp quần thể vui chơi giải trí tại hồ Đồng Nai 2 (Khu vực I, II, III)	Huyện Lâm Hà	x	x	XHH	
21	Khu đô thị sinh thái nghỉ dưỡng kết hợp quần thể vui chơi giải trí tại hồ Đồng Nai 2 (Khu vực I, II, III)	Huyện Di Linh	x	x	XHH	
22	Khu tổ hợp du dịch, dịch vụ, văn hóa, thể thao, sân golf và khu dân cư bên hồ thủy điện Đồng Nai 1	Huyện Di Linh	x	x	XHH	
23	Khu du lịch nghỉ dưỡng thác Bobla	Huyện Di Linh	x	x	XHH	
24	Tổ hợp sân golf và nghỉ dưỡng cao cấp	Huyện Di Linh	x	x	XHH	
25	Khu dân cư đô thị, thương mại, dịch vụ, du lịch, vui chơi giải trí tổng hợp khu vực hồ Đông, hồ Tây	Huyện Di Linh	x	x	XHH	
26	Các khu du lịch trên địa bàn huyện Đam Rông	Huyện Đam Rông	x	x	XHH	

STT	Tên dự án	Địa điểm	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	Ghi chú
			2021-2025	2026-2030		
27	Đầu tư xây dựng Trạm dừng chân và Khu dân cư Trung tâm Bằng Lăng, huyện Đam Rông	Huyện Đam Rông	x	x	XHH	
28	Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng Hồ Đa Sy	Huyện Cát Tiên	x	x	XHH	
29	Khu du lịch sinh thái Khu ủy khu VI- Cát Tiên	Huyện Cát Tiên	x	x	XHH, NSNN	
30	Khu du lịch tâm linh Đại Tùng Lâm	Huyện Đa Huoai	x	x	XHH	
31	Trường đua ngựa, đua chó Thiên Mã - Mađaguôi (có hoạt động kinh doanh đặt cược)	Huyện Đa Huoai	x	x	XHH	
32	Trung tâm nuôi, huấn luyện ngựa đua và du lịch Đa Huoai	Huyện Đa Huoai	x	x	XHH	
33	Tổ hợp sân golf và nghỉ dưỡng cao cấp Mađaguôi	Huyện Đa Huoai	x	x	XHH	
34	Khu du lịch sinh thái, sân golf tại hồ Đa Têh	Huyện Đa Têh	x	x	XHH	
IV	Y tế					
1	Nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế Bệnh viện đa khoa Lâm Đồng	Thành phố Đà Lạt	x	x	NSNN	
2	Xây dựng khoa Sản thuộc Bệnh viện Nhi Lâm Đồng	Thành phố Đà Lạt	x	x	NSNN	
3	Xây dựng mới Chi cục: Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	Thành phố Đà Lạt		x	NSNN	
4	Xây dựng mới Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	Thành phố Đà Lạt		x	NSNN	
5	Nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế Bệnh viện phục	Thành phố Đà Lạt	x	x	NSNN	

STT	Tên dự án	Địa điểm	Phân kì đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	Ghi chú
			2021-2025	2026-2030		
	hội chức năng Lâm Đồng					
6	Nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế Bệnh viện Y học cổ truyền Phạm Ngọc Thạch	Thành phố Đà Lạt		x	NSNN	
7	Nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Lâm Đồng	Thành phố Đà Lạt	x	x	NSNN	
8	Nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế Trung tâm Pháp y tỉnh Lâm Đồng	Thành phố Đà Lạt		x	NSNN	
9	Nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Lâm Đồng	Thành phố Đà Lạt		x	NSNN	
10	Xây dựng mới Trung tâm Giám định Y khoa	Thành phố Đà Lạt		x	NSNN	
11	Xây dựng mới Trung tâm Y tế thành phố Đà Lạt	Thành phố Đà Lạt		x	NSNN	
12	Bệnh viện chất lượng cao tại thành phố Đà Lạt	Thành phố Đà Lạt	x	x	XHH	
13	Bệnh viện chuyên khoa và cơ sở phục hồi sức khỏe, tại khu du lịch hồ Tuyền Lâm	Thành phố Đà Lạt	x	x	XHH	
14	Viện Dưỡng lão, cơ sở nghỉ dưỡng	Thành phố Đà Lạt	x	x	XHH	
15	Nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế Bệnh viện II Lâm Đồng	Thành phố Bảo Lộc	x	x	NSNN	

STT	Tên dự án	Địa điểm	Phân kì đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	Ghi chú
			2021-2025	2026-2030		
16	Nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế Bệnh viện Y học cổ truyền Bảo Lộc	Thành phố Bảo Lộc		x	NSNN	
17	Xây dựng mới Trung tâm Y tế thành phố Bảo Lộc	Thành phố Bảo Lộc		x	NSNN	
18	Bệnh viện quốc tế chất lượng cao	Thành phố Bảo Lộc	x	x	XHH	
19	Viện Dưỡng lão, cơ sở nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	Thành phố Bảo Lộc	x	x	XHH	
20	Trung tâm cấp cứu và điều trị, Khu hậu cần kỹ thuật, bệnh viện dã chiến	Thành phố Bảo Lộc		x	NSNN, XHH	
21	Nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế Bệnh viện đa khoa/chuyên khoa Lạc Dương	Huyện Lạc Dương		x	XHH, NSNN	
22	Nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế Khu điều trị phong Di Linh	Huyện Di Linh		x	NSNN	
23	Nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế Trung tâm Y tế huyện Di Linh	Huyện Di Linh		x	NSNN	
24	Bệnh viện đa khoa, phòng khám chất lượng cao và khu nghỉ dưỡng cao cấp	Huyện Di Linh	x	x	XHH	
25	Xây dựng mới Trung tâm Y tế huyện Đức Trọng	Huyện Đức Trọng	x	x	NSNN	
26	Bệnh viện đa khoa và Trung tâm Điều dưỡng cao cấp	Huyện Đức Trọng	x	x	XHH	
27	Nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất, trang thiết	Huyện Đơn Dương		x	NSNN	

STT	Tên dự án	Địa điểm	Phân kì đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	Ghi chú
			2021-2025	2026-2030		
	bị y tế Trung tâm Y tế huyện Đơn Dương					
28	Viện Dưỡng lão, cơ sở nghỉ dưỡng	Huyện Đơn Dương	x	x	XHH	
29	Nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế Trung tâm Y tế huyện Lâm Hà	Huyện Lâm Hà		x	NSNN	
30	Nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế Trung tâm Y tế huyện Đam Rông	Huyện Đam Rông	x	x	NSNN	
31	Nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế Trung tâm Y tế huyện Bảo Lâm	Huyện Bảo Lâm		x	NSNN	
32	Viện Dưỡng lão, cơ sở nghỉ dưỡng	Huyện Bảo Lâm	x	x	XHH	
33	Nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế Bệnh viện đa khoa/chuyên khoa Madagouï	Huyện Đạ Huoai		x	NSNN	
34	Bệnh viện Đa khoa/chuyên khoa, tại thị trấn Madagouï	Huyện Đạ Huoai		x	NSNN	
35	Nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế Trung tâm Y tế huyện Đạ Huoai (huyện mới)	Huyện Đạ Tẻh		x	NSNN	
36	Nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế Bệnh viện đa khoa/chuyên khoa Cát Tiên	Huyện Cát Tiên		x	NSNN	
V	Giáo dục và đào tạo					
1	Các dự án trường phổ thông liên cấp trên địa bàn thành phố Đà Lạt	Thành phố Đà Lạt	x	x	XHH	

STT	Tên dự án	Địa điểm	Phân kì đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	Ghi chú
			2021-2025	2026-2030		
2	Tổ hợp trường mầm non, trường phổ thông nhiều cấp học	Thành phố Bảo Lộc	x	x	XHH	
3	Trường học chất lượng cao	Huyện Đức Trọng	x	x	XHH	
4	Trung tâm huấn luyện bay	Huyện Đức Trọng	x	x	XHH	
5	Trường phổ thông nhiều cấp học	Huyện Đạ Huoai	x	x	XHH	
6	Trung tâm đào tạo, sát hạch lái xe và kiểm định xe cơ giới	Trên địa bàn các huyện và thành phố	x	x	XHH	
VI	Khu, trung tâm thương mại, dịch vụ					
1	Trung tâm thương mại Hòa Bình - thành phố Đà Lạt	Thành phố Đà Lạt	x	x	XHH	
2	Khu thương mại dịch vụ gần Quảng trường thành phố Đà Lạt	Thành phố Đà Lạt	x	x	XHH	
3	Khu thương mại dịch vụ tại cửa ngõ thành phố Đà Lạt, gần bãi đậu xe đầu đèo Prenn	Thành phố Đà Lạt	x	x	XHH	
4	Công viên Ánh Sáng thành phố Đà Lạt	Thành phố Đà Lạt	x	x	XHH	
5	Khu thương mại dịch vụ thuộc Quảng trường trung tâm thành phố Đà Lạt	Thành phố Đà Lạt	x	x	XHH	
6	Khu thương mại dịch vụ tại Khu A2-A3 Quảng trường Lâm Viên	Thành phố Đà Lạt	x	x	XHH	
7	Tổ hợp dịch vụ thương mại khách sạn cao cấp (Tại đường Trần Quốc Toản)	Thành phố Đà Lạt	x	x	XHH	
8	Khu thương mại dịch vụ cao cấp (công trình ngầm) tại khu vực đường Trần Quốc	Thành phố Đà Lạt	x	x	XHH	

STT	Tên dự án	Địa điểm	Phân kì đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	Ghi chú
			2021-2025	2026-2030		
	Toản, đường Trần Nhân Tông					
9	Tổ hợp Trung tâm thương mại dịch vụ và chỉnh trang đô thị gần sân bay Cam Ly	Thành phố Đà Lạt	x	x	XHH	
10	Trung tâm hội chợ triển lãm thương mại	Thành phố Đà Lạt	x	x	XHH	
11	Trung tâm hội chợ triển lãm thương mại	Thành phố Bảo Lộc	x	x	XHH	
12	Trung tâm logistics thành phố Bảo Lộc	Thành phố Bảo Lộc	x	x	XHH, NSNN	
13	Trung tâm logistics huyện Đức Trọng	Huyện Đức Trọng	x	x	NSNN, XHH	
14	Đầu tư xây dựng sân giao dịch thương mại, du lịch tại trung tâm logistics huyện Đức Trọng	Huyện Đức Trọng	x	x	XHH	
15	Khu dịch vụ, thương mại tại Hồ Nam Sơn	Huyện Đức Trọng	x	x	XHH	
16	Khu phức hợp Nam sân bay	Huyện Đức Trọng	x	x	XHH	
17	Tổ hợp thương mại dịch vụ tại khu vực hồ Đa Khai	Huyện Lạc Dương	x	x	XHH	
18	Khu thương mại dịch vụ gần Bãi đậu xe Đarahoa	Huyện Lạc Dương	x	x	XHH	
19	Trung tâm thương mại gắn với cải tạo, nâng cấp chợ Đa Tềh	Huyện Đa Tềh	x	x	XHH	
20	Xây dựng, quản lý và khai thác chợ trung tâm huyện Đam Rông	Huyện Đam Rông	x	x	XHH	
VII	Khu dân cư, đô thị					
1	Khu chỉnh trang đô thị tái định cư 5B	Thành phố Đà Lạt	x	x	XHH, NSNN	
2	Khu nhà ở xã hội chung cư CC5	Thành phố Đà Lạt	x	x	XHH	

STT	Tên dự án	Địa điểm	Phân kì đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	Ghi chú
			2021-2025	2026-2030		
3	Khu dân cư Nguyên Tử Lực - Trần Anh Tông	Thành phố Đà Lạt	x	x	XHH	
4	Khu dân cư mới Cam Ly	Thành phố Đà Lạt	x	x	XHH	
5	Nhà ở thương mại phường 11	Thành phố Đà Lạt	x	x	XHH	
6	Khu dân cư Quảng trường trung tâm thành phố	Thành phố Đà Lạt	x	x	XHH	
7	Làng đô thị xanh	Thành phố Đà Lạt	x	x	NSNN, XHH	
8	Khu dân cư số 1	Thành phố Đà Lạt	x	x	XHH	
9	Khu đô thị Nguyễn Hoàng và hồ Vạn Kiếp	Thành phố Đà Lạt	x	x	XHH	
10	Khu đô thị mới phía Đông thành phố Đà Lạt (Khu vực I, II, III)	Thành phố Đà Lạt	x	x	XHH	
11	Khu đô thị phía Tây thành phố Đà Lạt (Khu vực I, II, III)	Thành phố Đà Lạt	x	x	XHH	
12	Khu đô thị Prenn Xuân Thọ (Khu vực I, II, III)	Thành phố Đà Lạt	x	x	XHH	
13	Khu đô thị tại khu vực phường 11, phường 12 và xã Xuân Thọ (khu vực I, II, III)	Thành phố Đà Lạt	x	x	XHH	
14	Khu dân cư chính trang 02 bên đường vành đai (khu vực I, II, III)	Thành phố Đà Lạt		x	XHH, NSNN	
15	Khu dân cư An Tôn	Thành phố Đà Lạt	x	x	XHH	
16	Nhà ở xã hội tại các phường 3,5,6,7,8,9,10, xã Xuân Thọ, xã Tà Nung, xã Xuân Trường	Thành phố Đà Lạt	x	x	XHH	

STT	Tên dự án	Địa điểm	Phân kì đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	Ghi chú
			2021-2025	2026-2030		
17	- Xây dựng khu dân cư tái định cư phục vụ dự án xây dựng các tuyến đường bộ cao tốc - Khu đô thị, khu dân cư dọc các tuyến cao tốc	Thành phố Bảo Lộc, các huyện, thành phố	x	x	XHH	
18	Khu dân cư đường Nguyễn Thái Bình	Thành phố Bảo Lộc	x	x	XHH	
19	Khu đô thị tại các xã Đại Lào, Lộc Châu và phường Lộc Tiến (Khu vực I, II, III)	Thành phố Bảo Lộc	x	x	XHH	
20	Nhà ở xã hội trên địa bàn thành phố Bảo Lộc	Thành phố Bảo Lộc	x	x	XHH	
21	Nhà ở khu công nhân kế cận các khu, cụm công nghiệp	Thành phố Bảo Lộc	x	x	XHH	
22	Xây dựng Khu nhà ở tái định cư	Thành phố Bảo Lộc		x	NSNN	
23	Khu dân cư thuộc tổ 14	Thành phố Bảo Lộc	x	x	XHH	
24	Khu đô thị mới	Thành phố Bảo Lộc	x	x	XHH	
25	Khu đô thị trung tâm hành chính, văn hóa, thể dục và thể thao thị trấn Liên Nghĩa	Huyện Đức Trọng	x	x	XHH	
26	Khu đô thị Nam sông Đa Nhim	Huyện Đức Trọng	x	x	XHH	
27	Khu đô thị mới phía Bắc dự án Nam sông Đa Nhim (Khu vực I, II, III)	Huyện Đức Trọng	x	x	XHH	
28	Khu đô thị phức hợp thương mại, dịch vụ, du lịch	Huyện Đức Trọng	x	x	XHH	
29	Khu dân cư, nhà ở công nhân kế cận Khu công nghiệp Phú Bình	Huyện Đức Trọng	x	x	XHH	

STT	Tên dự án	Địa điểm	Phân kì đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	Ghi chú
			2021-2025	2026-2030		
30	Khu đô thị Liên Khương - Prenn (Khu vực I, II, III)	Huyện Đức Trọng	x	x	XHH	
31	Xây dựng khu dân cư tái định cư phục vụ dự án xây dựng các tuyến đường bộ cao tốc Bảo Lộc - Liên Khương	Huyện Đức Trọng		x	XHH, NSNN	
32	Khu đô thị hồ Bông Lai	Huyện Đức Trọng	x	x	XHH	
33	Nhà ở xã hội trên địa bàn huyện Đức Trọng	Huyện Đức Trọng	x	x	XHH	
34	Khu đô thị sinh thái – Tổ hợp thương mại dịch vụ tại đồi Monkrit	Huyện Đức Trọng	x	x	XHH	
35	Khu đô thị nghỉ dưỡng kết hợp ở và dịch vụ giải trí	Huyện Lạc Dương	x	x	XHH	
36	Khu dân cư mới xã Đa Chais	Huyện Lạc Dương	x	x	XHH	
37	Khu đô thị sinh thái	Huyện Lạc Dương	x	x	XHH	
38	Khu đô thị mới phía Bắc thị trấn Thạnh Mỹ	Huyện Đơn Dương	x	x	XHH	
39	Khu đô thị phía Bắc	Huyện Đơn Dương	x	x	XHH	
40	Khu đô thị phía Đông	Huyện Đơn Dương	x	x	XHH	
41	Khu đô thị D'Ran	Huyện Đơn Dương	x	x	XHH	
42	Khu đô thị thị trấn Nam Ban và các xã lân cận (Khu vực I, II, III)	Huyện Lâm Hà	x	x	XHH	
43	Khu dân cư nông thôn mới, Làng đô thị sinh thái, thương mại, dịch vụ, du lịch hồ KaLa + núi Brah Yàng	Huyện Di Linh	x	x	XHH	

STT	Tên dự án	Địa điểm	Phân kì đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	Ghi chú
			2021-2025	2026-2030		
44	Khu dân cư các tổ dân phố 3, 4	Huyện Di Linh	x	x	XHH	
45	Khu dân cư, đô thị thương mại - dịch vụ, nông nghiệp công nghệ cao tại tổ dân phố 20	Huyện Di Linh	x	x	XHH	
46	Khu đô thị mới, thương mại, dịch vụ, du lịch tổng hợp cánh đồng trung tâm	Huyện Di Linh	x	x	XHH	
47	Khu dân cư Đồi Thanh Danh (giai đoạn 3)	Huyện Di Linh	x	x	XHH	
48	Quỹ đất tạo vốn đầu tư cơ sở hạ tầng theo Nghị quyết 15-NQ/TU ngày 03/6/2022	Huyện Di Linh	x	x	XHH, NSNN	
49	Khu dân cư hồ Thanh Bạch	Huyện Di Linh	x	x	XHH	
50	Khu dân cư kết hợp thể thao văn hóa cộng đồng	Huyện Di Linh	x	x	XHH	
51	Xây dựng khu dân cư, tái định cư, tái định canh phục vụ dự án xây dựng các tuyến đường bộ cao tốc Bảo Lộc - Liên Khương	Huyện Di Linh	x	x	XHH, NSNN	
52	Khu dân cư kiểu mẫu	Huyện Di Linh	x	x	XHH	
53	Khu đô thị phức hợp du lịch nghỉ dưỡng kết hợp vui chơi giải trí Cao Nguyên Lâm Viên (Khu vực I, II, III)	Huyện Bảo Lâm, thành phố Bảo Lộc	x	x	XHH	
54	Xây dựng khu dân cư, tái định cư, tái định canh phục vụ dự án xây dựng các tuyến đường bộ cao tốc Tân Phú - Bảo Lộc	Huyện Bảo Lâm	x	x	XHH	

STT	Tên dự án	Địa điểm	Phân kì đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	Ghi chú
			2021-2025	2026-2030		
55	Xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở công nhân trên địa bàn huyện Bảo Lâm	Huyện Bảo Lâm	x	x	XHH, NSNN	
56	Xây dựng Khu dân cư thuộc khu vực Trung tâm hành chính huyện Đam Rông	Huyện Đam Rông	x	x	XHH	
57	Dự án chỉnh trang đô thị; xây dựng công viên cây xanh thị trấn Cát Tiên; thị trấn Phước Cát	Huyện Cát Tiên	x	x	XHH	
58	Khu dân cư mới thị trấn Cát Tiên, thị trấn Phước Cát	Huyện Cát Tiên	x	x	XHH	
59	Xây dựng khu dân cư, tái định cư, tái định canh phục vụ dự án xây dựng các tuyến đường bộ cao tốc Tân Phú - Bảo Lộc	Huyện Đạ Huoai	x	x	XHH, NSNN	
60	Khu dân cư dọc bờ sông Đạ Tẻh tổ dân phố 4 và 5	Huyện Đạ Tẻh	x	x	XHH	
61	Khu dân cư, tái định cư, tái định canh phục vụ dự án xây dựng các tuyến đường bộ cao tốc Tân Phú - Bảo Lộc	Huyện Đạ Tẻh		x	XHH, NSNN	
62	Xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở công nhân trên địa bàn huyện Đạ Tẻh	Huyện Đạ Tẻh	x	x	XHH	
VIII	Nông nghiệp					
1	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Lâm Đồng	Huyện Lạc Dương	x	x	NSNN, XHH	
2	Dự án nông nghiệp công nghệ cao	Huyện Đơn Dương	x	x	XHH	
3	Đầu tư vùng trồng cây dược liệu	Huyện Di Linh	x	x	XHH	
4	Trang trại chăn nuôi	Huyện Di Linh	x	x	XHH	

STT	Tên dự án	Địa điểm	Phân kì đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	Ghi chú
			2021-2025	2026-2030		
5	Nhà máy chế biến nông sản	Huyện Đam Rông	x	x	XHH	
6	Dự án cải thiện cơ sở hạ tầng nhằm phát triển nông nghiệp tại tỉnh Lâm Đồng	Thành phố Đà Lạt, huyện Đức Trọng, huyện Lạc Dương, huyện Đơn Dương, huyện Lâm Hà	x	x	ODA, NSNN	
7	Hồ thượng nguồn Đan Kia 2	Huyện Lạc Dương		x	NSNN, XHH	
8	Dự án xây dựng hồ chứa nước Ka Zam	Huyện Đơn Dương		x	NSNN	
9	Nâng cấp, cải tạo Trung tâm Quốc gia giống thủy sản nước ngọt miền Trung	Huyện Đức Trọng	x	x	NSNN	
10	Dự án hồ chứa nước Ta Hoét	Huyện Đức Trọng	x	x	NSNN	
11	Hồ Hiệp Thuận	Huyện Đức Trọng		x	NSNN	
12	Hồ Đông Thanh	Huyện Lâm Hà	x	x	NSNN	
IX	Môi trường					
1	Công viên nghĩa trang Vĩnh Hằng	Thành phố Đà Lạt	x	x	XHH	
2	Dự án xử lý rác thải khu vực xã Rô Men	Huyện Đam Rông	x	x	XHH	
3	Xây dựng nhà máy xử lý rác thải	Huyện Đạ Tẻh	x	x	XHH	
X	Nhà máy phục vụ cho hoạt động khoáng sản					
1	Tổ hợp nhà máy tuyển bauxit và chế biến Alumin, nhôm và các sản phẩm từ nhôm (Cụm Lâm Đồng I)	Thành phố Bảo Lộc, huyện Bảo Lâm, huyện Di Linh	x	x	XHH	
2	Tổ hợp nhà máy tuyển bauxit và chế biến Alumin, nhôm và các sản phẩm từ nhôm (Cụm Lâm Đồng II)	Thành phố Bảo Lộc, huyện Bảo Lâm, huyện Đạ Tẻh, huyện Đạ Huoai	x	x	XHH	

STT	Tên dự án	Địa điểm	Phân kì đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	Ghi chú
			2021-2025	2026-2030		
3	Tổ hợp nhà máy tuyển bauxit và chế biến Alumin, nhôm và các sản phẩm từ nhôm (Cụm Lâm Đồng III)	Thành phố Bảo Lộc, Huyện Bảo Lâm	x	x	XHH	
4	Sản xuất Nhôm kim loại gắn với tự đầu tư sản xuất điện	Huyện Bảo Lâm	x	x	XHH	
XI	Khối hành chính					
1	Xây dựng Trung tâm hành chính mới của tỉnh	Huyện Đức Trọng		x	NSNN	
2	Trung tâm hành chính mới	Huyện Đơn Dương		x	NSNN	
3	Trung tâm hành chính mới	Huyện Đức Trọng		x	NSNN	

Ghi chú:

- Về quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư, nguồn vốn của các công trình, dự án trong Danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

- Các dự án, công trình khác ngoài Danh mục nêu trên căn cứ vào các quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở phù hợp với điều kiện thực tiễn và khả năng huy động nguồn lực triển khai thực hiện.

- (*) Đối với 03 khu công nghiệp dự kiến thành lập mới: Đa Tẻ, Tân Rai - Bảo Lâm, Lộc Châu - Đại Lào, trường hợp Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu đất khu công nghiệp giai đoạn 2026 - 2030 cho tỉnh Lâm Đồng thì được thực hiện trong giai đoạn 2026 - 2030.

Phần 2: Danh mục các dự án đầu tư phát triển mạng lưới cấp điện và phương án đấu nối trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

A. Nguồn điện

I. Các dự án phát triển nguồn điện trong danh mục phát triển điện lực quốc gia: Thực hiện theo Quy hoạch điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

II. Các dự án phát triển nguồn điện và phương án đấu nối:

TT	Danh mục	Vị trí (tên sông/suối)	Địa điểm (Huyện/thành phố)	Quy mô, công suất (MW)	Thời gian dự kiến vận hành	Phương án, điểm đấu nối nhà máy thủy điện vào lưới điện quốc gia (Ký hiệu: Thanh cái (TC), Trạm biến áp (TBA), Đường dây (ĐZ))	Ghi chú
I	Nguồn điện hiện hữu						
1	Nhà máy thủy điện Đa Nhim Thượng 3	Đa Nhim	Lạc Dương	08	Năm 2022	Đấu nối vào TC 22kV TBA 110kV/22 - Xuân Thọ chiều dài khoảng 11.1km, trong khi chờ TBA 110/22kV Xuân Thọ vận hành đấu nối tạm NMTĐ Đa Nhim Thượng 3 vào tuyến 473 thuộc TBA 110/22kV Đà Lạt 1	Đã vận hành
II	Khu vực các nguồn điện tiềm năng được phê duyệt tại Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII ban hành kèm theo Quyết định 262/QĐ-TTg ngày 01/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ						
II.1	Thủy điện						
1	Đạ Sar (cuối năm 2023)	Đa Nhim	Lạc Dương	12	Tháng 12/2023	Đấu nối vào TC 22kV TBA 110kV/22 Xuân Thọ chiều dài khoảng 21km, trong khi chờ TBA 110kV/22 Xuân Thọ vận hành đấu nối tạm Nhà máy thủy điện Đạ Sar vào tuyến 473 thuộc TBA 110kV/22 Đà Lạt 1	Đã vận hành
2	Đạ Br'Len*	Đạ Br'Len	Bảo Lâm	6,2	Tháng 4/2025	Đấu nối vào TC 22 kV của TBA 110kV/22 – Bảo Lộc 2, chiều dài ĐZ khoảng 13,5km	Đang thi công
3	Tân Thượng	Đồng Nai	Di Linh	22	2025-2030	Đấu nối vào TC 110 kV của TBA 110kV/22 – Di Linh	Đang thi công
4	Bảo Lâm	Đồng Nai	Đồng Nai	10	2025-2030		Kết thúc hoạt động đầu tư dự án tại Quyết định số 102/-QĐ-

							KHĐT ngày 15/11/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư
5	Đạ Huoai 2	Đạ Huoai	Đạ Huoai	10	2025-2030	Đầu nối vào TC22 kV của TBA 110kV/22 – Đạ Huoai	Đang thi công
6	Cam Ly	Cam Ly	Đà Lạt	12	2025-2030	Đầu nối trực tiếp vào đường dây 22 kV lưới điện địa phương	Đang thi công
II.2	ĐIỆN GIÓ						
1	Điện gió Cầu Đất		Đà Lạt	68,9	2025-2030	Đầu nối chuyển tiếp trên ĐZ 110 kV Suối Vàng-Đạ Nhim hiện hữu	Đã vận hành tháng 12/2023
2	Điện gió Đức Trọng		Đơn Dương	50	2025-2030	Đầu nối chuyển tiếp trên đường dây 220 kV Đa Nhim – Đức Trọng hiện hữu	Đang lập thủ tục đầu tư
II.3	ĐIỆN RÁC		Đức Trọng/ Bảo Lộc	10	2025-2030	Đầu nối vào lưới điện 22 kV hiện hữu tại địa phương	Công suất cụ thể của từng dự án theo báo cáo nghiên cứu tiền khả thi

Ghi chú:

a) Quá trình nghiên cứu đầu tư, khảo sát tính toán lựa chọn phương án, cho phép nhà đầu tư dịch chuyển vị trí tuyến đập, nhà máy, thay đổi cao trình mực nước dâng (MND) hồ chứa, thay đổi mực nước hạ lưu nhà máy (MNHLNM), thay đổi công suất lắp máy nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường, nâng cao hiệu quả kinh tế cho dự án, đảm bảo an toàn cho công trình nhưng không ảnh hưởng đến các bậc thang thủy điện trên dòng sông, đồng thời cũng không ảnh hưởng đến các dự án khác;

b) Phương án đầu nối của dự án nguồn điện vào hệ thống điện quốc gia có thể thay đổi nhằm đảm bảo điều kiện kỹ thuật để vận hành lưới điện, có khả năng giải tỏa công suất của nhà máy thủy điện, đồng thời giảm tối đa chi phí xây dựng đường dây đầu nối. Tuy nhiên, phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép;

c) Số lượng, quy mô, vị trí dự án sẽ được cụ thể hóa ở Đề án phát triển năng lượng và chủ trương đầu tư của từng dự án. Dự kiến dự án nguồn điện tiềm năng, phù hợp với quan điểm, mục tiêu, định hướng, phương án phát triển nguồn điện, lưới điện, tiêu chí, luận chứng tại Quy hoạch điện VIII. Việc triển khai các dự án này chỉ được thực hiện khi bảo đảm:

- Phù hợp với Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Phù hợp với các điều kiện, tiêu chí, luận chứng theo Quy hoạch điện VIII và được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định pháp luật có liên quan;

- Phù hợp với khả năng hấp thụ của hệ thống, khả năng giải tỏa công suất của lưới điện, giá thành điện năng và chi phí truyền tải hợp lý gắn với bảo đảm an toàn vận hành và tính kinh tế chung của hệ thống điện; bảo đảm an ninh quốc phòng, an ninh năng lượng và mang lại hiệu quả kinh tế cao.

B. Trạm biến áp (TBA)

I. Trạm biến áp 500kV và 220kV: Thực hiện theo Quy hoạch điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

II. Trạm biến áp 110kV

TT	Tên trạm biến áp	Quy mô, công suất (MVA) đến 2030	Ghi chú
1	Trạm 110/22 kV Đà Lạt 1 công suất 2x40 MVA		Duy trì
2	Trạm 110/22 kV Đà Lạt 2 công suất (2x40 MVA)		Duy trì
3	Trạm 110/22 kv Đơn Dương công suất (2x40 MVA)		Duy trì
4	Máy biến áp 110/22 kV-40 MVA đặt bên trong trạm 220 kV Bảo Lộc		Duy trì
5	Trạm 110/22/6,3 kV Bauxit nhôm công suất 2x15 MVA		Duy trì
6	Xây dựng mới TBA 110/22kV Xuân Thọ	T1: 40MVA,	Xây dựng mới
		T2: 40MVA	
7	Xây dựng mới TBA 110/22kV Phú Bình	T1: 40 MVA	Xây dựng mới
8	Xây dựng mới TBA 110/22kV Đam Rông	T1: 40 MVA;	Xây dựng mới
9	Xây dựng mới TBA 110/22kV Hòa Ninh	T1: 40 MVA;	Xây dựng mới
10	Xây dựng mới TBA 110/22kV Đà Loan	T1: 40 MVA ;	Xây dựng mới
11	Xây dựng mới TBA 110/22kV Đơn Dương 2	T1: 40 MVA;	Xây dựng mới
12	Xây dựng mới TBA 110/22kV Đà Lạt 3	T1: 40 MVA;	Xây dựng mới

13	Xây dựng mới TBA 110/22kV Lâm Hà 2	T1: 40 MVA;	Xây dựng mới
14	Xây dựng mới TBA 110/22kV Bảo Lộc 2	T1: 63MVA,	Xây dựng mới
		T2: 63 MVA	
15	Xây dựng mới TBA 110/22kV Bảo Lộc 3	T1: 63 MVA	Xây dựng mới
16	Xây dựng mới TBA 110/22kV Cát Tiên	T1: 40MVA,	Xây dựng mới
17	Xây dựng mới TBA 110/22kV Đa Huoai	T1: 40 MVA,	Xây dựng mới
		T2: 40 MVA	
18	Xây dựng mới Trạm cắt 110kV Ninh Gia (4 ngăn lộ 110 kV)		Xây dựng mới
19	Nâng công suất TBA 110kV Lâm Hà	Lắp máy T2: 40 MVA	Cải tạo, mở rộng
20	Nâng công suất TBA 110kV Đức Trọng	T2: 40MVA	Cải tạo, mở rộng
21	Nâng công suất TBA 110kV Suối Vàng	Lắp máy T1: 40 MVA;	Cải tạo, mở rộng
		T2: 25 MVA thành 40MVA	
22	Nâng công suất TBA 110kV Bảo Lâm	Lắp máy T2: 40 MVA	Cải tạo, mở rộng
23	Nâng công suất TBA 110kV Đa Tềh	Lắp máy T2: 40 MVA	Cải tạo, mở rộng
24	Nâng công suất TBA 110kV Di Linh	2x40 MVA	Cải tạo, mở rộng

C. Đường dây

I. Đường dây 500kV, 220kV: Thực hiện theo Quy hoạch điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

II. Đường dây 110kV

TT	Tên đường dây	Quy mô (số mạch)		Ghi chú
		Hiện trạng	Quy mô dự kiến năm 2030	
1	Đường dây 110kV Đức Trọng 2-Đức Trọng		Dây dẫn ACSR-2x185	Nâng cấp, 8km
2	Đường dây 110kV Bảo Lộc-Lộc Châu-Đambri			Duy trì
3	Đường dây 110kV Đambri-Đa Tềh		Dây dẫn ACSR-2x240	Nâng cấp 45,9km

TT	Tên đường dây	Quy mô (số mạch)		Ghi chú
		Hiện trạng	Quy mô dự kiến năm 2030	
4	Đường dây 110kV Suối Vàng-Yan Tan Sien			Duy trì
5	Đường dây 110kV Suối Vàng-Krông Nô 2			Duy trì
6	Đường dây 110kV Krông Nô 2- Krông Nô 3			Duy trì
7	Đường dây 110kV Đa Dâng 2- Đa Dâng 3		Dây dẫn ACSR-2x240	Nâng cấp, 3km
8	Nhánh rẽ đầu nối TBA 110 kV Xuân Thọ (Chuyển tiếp trên đường dây 110kV Đa Nhim-suối vàng)		Dây dẫn ACSR-2x240	Xây dựng mới, 2x3km
9	Nhánh rẽ đầu nối TBA 110 kV Phú Bình (Chuyển tiếp trên đường dây 110kV Đức Trọng-Nhà máy thủy điện Đa Dâng 2)		Dây dẫn ACSR-400	Xây dựng mới, 2x3km
10	Xuất tuyến 110 kV từ TBA 220 kV Đức Trọng 2 (Chuyển tiếp trên đường dây 110kV Đức Trọng-Nhà máy thủy điện Đa Dâng 2)		Dây dẫn ACSR-400	Xây dựng mới, 2x2km
11	Đường dây 110kV Đam Rông-Lâm Hà (Đầu nối trạm TBA 110kV Đam Rông)		Dây dẫn ACSR-240	Xây dựng mới, 28km
12	Nhánh rẽ đầu nối TBA 110 kV Hòa Ninh (Chuyển tiếp trên đường dây 110kV từ TBA 220kv Bảo Lộc-Di Linh)		Dây dẫn ACSR-400	Xây dựng mới 2x3km
13	Đường dây 110kV Bảo Lộc 2-Bảo Lâm		Dây dẫn ACSR-400	Xây dựng mới 18km
14	Nhánh rẽ đầu nối TBA 110 kV Đà Loan (Chuyển tiếp trên đường dây 110kV Đức Trọng-Nhà máy thủy điện Đa Dâng 2)		Dây dẫn ACSR-240	Xây dựng mới, 2x28km

TT	Tên đường dây	Quy mô (số mạch)		Ghi chú
		Hiện trạng	Quy mô dự kiến năm 2030	
15	Nhánh rẽ đầu nối TBA 110 kV Đơn Dương 2 (Chuyển tiếp trên đường dây 110kV từ TBA 220kv Đức Trọng-Đà Lạt 1)		Dây dẫn ACSR-2x240	Xây dựng mới, 2x2km
16	Đường dây 110kV Lâm Hà-Suối Vàng		Dây dẫn ACSR-2x240	Xây dựng mới, 2x30km
17	Nhánh rẽ đầu nối TBA 110 kV Đà Lạt 3 (Chuyển tiếp trên đường dây 110kV Lâm Hà-Suối Vàng)		Dây dẫn ACSR-240	Xây dựng mới, 2x4km
18	Nhánh rẽ đầu nối TBA 110 kV Lâm Hà 2 (Chuyển tiếp trên đường dây 110kV Lâm Hà-Suối Vàng)		Dây dẫn ACSR-2x240	Xây dựng mới, 4x2km
19	Nhánh rẽ đầu nối TBA 110 kV Bảo Lộc 3 (Chuyển tiếp trên đường dây 110kV Bảo Lộc 2-Bảo Lâm)		Dây dẫn ACSR-240	Xây dựng mới 2x1km
20	Đường dây 110kV Trạm 220 kV Đức Trọng-Rẽ Đức Trọng-Thủy điện Đa Dâng 2		Dây dẫn ACSR-2x240	Xây dựng mới, 2x1km
21	Đường dây 110kV Bảo Lộc 2-Rẽ Trạm 220 kV Bảo Lộc-Thủy điện Đam Bri 2		Dây dẫn ACSR-240	Xây dựng mới 2x0,5km
22	Đường dây 110kV Đa Tẻh-Cát Tiên		Dây dẫn ACSR-240	Xây dựng mới 11km
23	Đường dây 110kV Đa Huoi-Rẽ Thủy điện Đam Bri 2-Đa Tẻh		Dây dẫn ACSR-240	Xây dựng mới 2x1km
24	Đường dây 110kV Điện gió Xuân Trường 2-Rẽ Thủy điện Đa Nhim-Đơn Dương		Dây dẫn ACSR-2x185	Xây dựng mới, 2x5km

TT	Tên đường dây	Quy mô (số mạch)		Ghi chú
		Hiện trạng	Quy mô dự kiến năm 2030	
25	Đường dây 110kV Điện gió Cầu Đất (gđ1)-Rẽ Đa Nhim-Suối Vàng		Dây dẫn ACSR-2x240	Xây dựng mới, 2x1,5km
26	Đường dây 110kV Thủy điện Đồng Nai 1-Rẽ Thủy điện Đa Dâng 3-Di Linh		Dây dẫn ACSR-240	Xây dựng mới 2x5km
27	Đường dây 110kV Thủy điện Tân Thượng-Rẽ Di Linh-Trạm 220 kV Bảo Lộc		Dây dẫn ACSR-240	Xây dựng mới 2x18km
28	Đường dây 110kV Điện mặt trời Tam Bó-Rẽ Thủy điện Đa Dâng 3-Di Linh		Dây dẫn ACSR-240	Xây dựng mới 2x1,5km
29	Đường dây 110kV Thủy điện Đa Hır-Trạm 220 kV Đa Nhim		Dây dẫn ACSR-240	Xây dựng mới, 20km
30	Đường dây 110kV Điện mặt trời Hồ Đăk Lô-Cát Tiên		Dây dẫn ACSR-240	Xây dựng mới 4km
31	Đường dây 110kV Điện mặt trời Hồ Đa Hàm-Đạ Tẻh		Dây dẫn ACSR-240	Xây dựng mới 1,5km
32	Đường dây 110kV Thủy điện Lộc Nam-Thủy điện Bảo Lộc		Dây dẫn ACSR-240	Xây dựng mới 2,5km
33	Đường dây 110kV Thủy điện Đa Kho-Rẽ Đa Tẻh-Tân Phú (Đồng Nai)		Dây dẫn ACSR-240	Xây dựng mới 2x3,5km
34	Cải tạo nâng tiết diện đường dây 110kV Đa Nhim-Đơn Dương	Từ AC-185	ACSR-2x185	Cải tạo, nâng tiết diện, 24km
35	Cải tạo nâng tiết diện đường dây 110kV Đơn Dương-Đức Trọng	Từ AC-185	ACSR-2x185	Cải tạo, nâng tiết diện, 18km
36	Cải tạo nâng tiết diện đường dây 110kV Trạm 220 kV Bảo Lộc-Di Linh	Từ AC-185	ACSR-2x240	Cải tạo, nâng tiết diện 29,3km

TT	Tên đường dây	Quy mô (số mạch)		Ghi chú
		Hiện trạng	Quy mô dự kiến năm 2030	
37	Cải tạo nâng tiết diện đường dây 110kV Trạm 220 kV Bảo Lộc-Bảo Lâm	Từ AC-185	ACSR400	Cải tạo, nâng tiết diện 20,8km
38	Cải tạo nâng tiết diện đường dây 110kV Trạm 220 kV Bảo Lộc-Bảo Lộc 2-Thủy điện Đam Bri 2	Từ AC-240	ACSR-2x240	Cải tạo, nâng tiết diện 36km
39	Cải tạo nâng tiết diện đường dây 110kV Trạm 220 kV Đức Trọng-Đà Lạt 1	Từ AC-185	ACSR-2x185	Cải tạo, nâng tiết diện, 35,1km
40	Cải tạo, nâng tiết diện đường dây 110kV Đa Nhim-Suối Vàng	Từ AC336MCM	ACSR400	Cải tạo, nâng tiết diện, 42km
41	Cải tạo nâng tiết diện đường dây 110kV Đà Lạt 2-Đà Lạt 1	Từ AC336MCM	2xAC240	Cải tạo, nâng tiết diện, 12,59km
42	Cải tạo nâng tiết diện đường dây 110kV Suối Vàng-Đà Lạt 2	Từ AC240	2xAC240	Cải tạo, nâng tiết diện, 8,51km
43	Cải tạo đường dây 110kV Đức Trọng-Lâm Hà		Thành 2 mạch, dây dẫn ACSR-240	Cải tạo, nâng tiết diện, 13,8km
44	Cải tạo nâng tiết diện đường dây 110kV Đa Têh-Tân Phú (Đồng Nai)	Từ AC-240	ACSR-2x240	Cải tạo, nâng tiết diện 30km
45	Cải tạo nâng tiết diện đường dây 110kV Đa Dâng 2-Đức Trọng	Từ AC-240	ACSR-2x240	Cải tạo, nâng tiết diện, 28km
46	Cải tạo nâng tiết diện đường dây 110kV Đa Dâng 3-Nhà máy thủy điện Đồng Nai 1-Di Linh	Từ AC-240	ACSR-2x240	Cải tạo, nâng tiết diện, 38km

Ghi chú:

- Chiều dài đường dây 110kV được tính trên địa phận tỉnh Lâm Đồng.
- Hướng tuyến, chiều dài đường dây truyền tải và phân phối điện; địa điểm, quy mô công suất các công trình nhà máy điện, trạm biến áp xác định cụ thể khi lập các thủ tục chuẩn bị đầu tư dự án theo quy định.

D. Tổng hợp khối lượng dự kiến xây dựng mới và cải tạo lưới trung, hạ thế giai đoạn đến năm 2030

STT	Hạng mục	Đơn vị	2021-2025	2026-2030
I	Lưới trung áp			
1	Trạm biến áp phân phối			
	- Xây dựng mới	Trạm/MVA	527/23,7	679/67,303
	- Cải tạo	Trạm/MVA	20/2,09	445/53,388
2	Đường dây trung áp			
	- Xây dựng mới	Km	641,422	598,34
	- Cải tạo	Km	46,473	826,85
II	Lưới hạ áp			
	Đường dây hạ áp xây dựng mới	Km	826,9	755,35
	Đường dây hạ áp cải tạo	Km	93,03	412,8
	Công tơ	Cái	23.622	22.841

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.